

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của
Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Sau khi xem xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 237/QĐ-LĐTBXH ngày 04/3/2019 của Giám đốc Sở Lao động - TB&XH tỉnh Thừa Thiên Huế Thanh tra thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội (viết tắt Trung tâm) - Sở Lao động - TB&XH (viết tắt Sở), thời kỳ thanh tra: Từ ngày 15/7/2018 đến ngày 28/02/2019; Biên bản thanh tra, các hồ sơ, tài liệu liên quan, đối chiếu quy định của pháp luật. Giám đốc Sở Lao động - TB&XH kết luận:

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Quá trình hình thành và phát triển Trung tâm

Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội (viết tắt là Trung tâm) trực thuộc Sở Lao động - TB&XH được thành lập từ ngày 15/7/2018 trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Bảo trợ trẻ em và Trung tâm Nuôi dưỡng và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội thành Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh.

Năm 1998, thực hiện Quyết định số 09/QĐ-UBND và đến tháng 6/2008 thực hiện Quyết định số 1298/QĐ-UBND (nay là Quyết định số 55/QĐ-UBND) của UBND tỉnh, Trung tâm được giao thêm nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng, phân loại và giải quyết cho nhóm đối tượng ăn xin, lang thang cơ nhỡ, người tâm thần lang thang trên địa bàn tỉnh. Từ tháng 02/2013, Trung tâm được UBND tỉnh giao thêm nhiệm vụ trong lĩnh vực phát triển nghề công tác xã hội (CTXH) trên địa bàn tỉnh theo Đề án 32 của Thủ tướng Chính phủ V/v phát triển nghề CTXH tại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020. Trung tâm có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tham mưu Sở thực hiện thêm lĩnh vực CTXH đối với các nhóm đối tượng: Người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS, người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (HCĐBKK), đối tượng xã hội cần sự bảo vệ khẩn cấp dựa vào cộng đồng.

2. Chức năng, nhiệm vụ

Trung tâm tham mưu Sở tổ chức phát triển nghề CTXH theo Đề án 32 của Chính phủ đã phê duyệt; tổ chức tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng đối tượng xã hội bao gồm trẻ em mồ côi, trẻ em có HCĐBKK không nơi nương tựa; người già cô đơn, người khuyết tật, người lang thang xin ăn, lang thang cơ nhỡ và tiếp nhận, phân loại chuyên tuyến, hồi gia đưa vào nuôi dưỡng các đối tượng lang thang xin ăn, cơ nhỡ, đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí theo quy định của UBND tỉnh.

3. Tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động

- Tổng số công chức, viên chức, người lao động (CC,VC,NLĐ) hiện tại: 38 người, gồm: 01 công chức, 20 viên chức, 14 người hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, 03 người hợp đồng vụ việc.

- Tổ chức bộ máy:

+ Ban Giám đốc: 3 người gồm: Giám đốc và 2 Phó Giám đốc.

+ 4 phòng chuyên môn: Phòng Hành chính - Tổng hợp: 06 người; Phòng Công tác xã hội, phát triển cộng đồng: 06 người; Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, dạy nghề: 12 người; Phòng tiếp nhận, quản lý, chăm sóc: 11 người.

- Trình độ chuyên môn: Trên đại học: 2 người; đại học: 14 người; cao đẳng: 7 người; Trung cấp chuyên nghiệp: 5 người; chưa qua đào tạo: 5 người.

4. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Trung tâm do ngân sách nhà nước đảm bảo. Kinh phí cấp hằng năm được sử dụng vào 2 nội dung chính:

- Nguồn kinh phí tự chủ: Thanh toán công tác quản lý.

- Nguồn kinh phí không tự chủ: Thanh toán các hoạt động liên quan đến công tác phục vụ đối tượng bao gồm đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên và đối tượng lang thang cơ nhỡ, lang thang ăn xin (đối tượng thu gom); công tác xã hội.

Nguồn kinh phí ngân sách cấp và thanh toán trong năm 2018: 7.012.698.000 đồng, trong đó: kinh phí tự chủ 3.193.525.000 đồng, kinh phí không tự chủ 3.819.173.000 đồng.

Nguồn kinh phí hoạt động đối tượng tự nguyện: 159.510.000 đồng.

II. Kết quả thanh tra

1. Điều kiện vật chất, trang thiết bị và nhân lực, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội

1.1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích (DT) đất tự nhiên của Trung tâm 12.258 m² gồm 2 cơ sở: Cơ sở 1, địa chỉ: số 65 Đặng Tất, thành phố Huế, DT 7.151 m²; Cơ sở 2, địa chỉ: số 02 Nguyễn Lâm, TP Huế, DT 5.107 m².

- Diện tích xây dựng khoảng 4.212 m² trong đó: Cơ sở 1 DT xây dựng khoảng 3.412 m²; Cơ sở 2 DT xây dựng khoảng 800 m².

Nhìn chung cơ sở vật chất, thiết bị của Trung tâm phù hợp với từng nhóm đối tượng được nuôi dưỡng. Tuy nhiên do cơ sở vật chất xây dựng theo từng giai đoạn, hiện tại khu nhà xây dựng lâu năm như khu nuôi dưỡng đối tượng nam có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng.

1.2. Trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt cho đối tượng

Nhìn chung các trang thiết bị luôn được Trung tâm quan tâm để đáp ứng cơ bản được nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí của đối tượng.

1.3. Việc xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản

Trung tâm đã xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, có lập sổ theo dõi tài sản cố định hàng năm, có thành lập Hội đồng và tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ.

2. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng đối tượng

2.1. Tình hình đối tượng

Tổng số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm thời điểm tháng 3/2019 là 92 người, trong đó: 16 người cao tuổi; 48 người khuyết tật (24 người

khuyết tật đặc biệt nặng và 24 người khuyết tật nặng); đối tượng thuộc diện khác (theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND 03/8/2017 của UBND tỉnh quy định tập trung người lang thang trên địa bàn tỉnh vào nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH công lập. Viêt tắt là Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND): 05 người; 07 trẻ em dưới 10 tuổi (04 em chậm phát triển (trong đó có 01 em dưới 4 tuổi) và 03 em bình thường); 16 trẻ em trên 10 tuổi (02 em chậm phát triển và 14 em bình thường).

2.2. Việc tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng các đối tượng

2.2.1. Công tác tiếp nhận đối tượng

- Đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Viết tắt là Nghị định 136/2013/NĐ-CP), Trung tâm thực hiện theo Thông tư số 29/2014/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 24/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (Viết tắt là Thông tư số 29/2014/TT-BLĐTĐBXH-BTC).

Trung tâm có Quyết định số 49b/QĐ-ND,CTXH ngày 05/9/2018 V/v ban hành Quy định tiếp nhận, quản lý và trợ giúp đối tượng tại Trung tâm để tiếp nhận đối tượng theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND.

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ tiếp nhận đối tượng: Thời kỳ thanh tra, Trung tâm tiếp nhận 06 lượt (05 người) đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên, cụ thể: 01 trẻ em bị bỏ rơi được chuyển từ Làng trẻ em SOS Huế đến, 01 người khuyết tật đặc biệt nặng; 04 lượt (03 người) lang thang không xác minh được thân nhân đưa vào nuôi dưỡng tập trung; 02 đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí.

+ Đối tượng do bản thân hoặc gia đình thân nhân đối tượng xin vào Trung tâm (theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP): Việc tiếp nhận thực hiện theo thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

+ Đối tượng là người lang thang (theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND) và đối tượng khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh: Nhóm đối tượng này được tiếp nhận 24/24 giờ hằng ngày. Khi tiếp nhận đối tượng, Trung tâm và cơ quan, đơn vị giao người lập Biên bản bàn giao đối tượng tập trung theo Quyết định số 55/QĐ-UBND (Mẫu do Trung tâm lập). Sau khi tiếp nhận, Phòng Tiếp nhận, quản lý và chăm sóc của Trung tâm tổ chức phỏng vấn và lập phiếu cá nhân của đối tượng (tại Mẫu phiếu có mục dán ảnh của đối tượng nhưng hồ sơ lưu tại Trung tâm không có ảnh). Trong thời gian 03 tháng, trên cơ sở thông tin khai thác được từ phía đối tượng, Trung tâm có văn bản gửi chính quyền địa phương cấp xã nơi đối tượng hoặc thân nhân của đối tượng cư trú để xác minh nhân thân và vận động thân nhân đối tượng đến bảo lãnh đối tượng về với gia đình. Trường hợp không thể xác minh nhân thân hoặc thân nhân đối tượng không đến bảo lãnh thì lập tờ trình đề nghị Sở ra quyết định đưa người lang thang vào nuôi dưỡng tập trung. Sau khi nhận được quyết định của Sở, Trung tâm chuyển đối tượng vào nuôi dưỡng tập trung.

+ Đối tượng tự nguyện: Đối tượng hoặc thân nhân đối tượng lập hồ sơ: Đơn xin vào nuôi dưỡng tự nguyện; sơ yếu lý lịch đối tượng có xác nhận của UBND cấp xã (Mẫu theo Thông tư 29; các giấy tờ liên quan khác như: Bản sao sổ hộ khẩu, giấy khám sức khỏe, bản sao CMND... Sau khi nhận đủ hồ sơ, Trung tâm lập hợp đồng cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, lập 2 bản chính: 1 bản lưu hồ sơ, 1 bản giao thân nhân đối tượng. Các bản sao gửi các phòng liên quan của Trung tâm. Khi tiếp nhận đối tượng thì lập Biên bản bàn giao người nuôi dưỡng tự nguyện.

+ Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp: Thời kỳ thanh tra không có.

- Quản lý, theo dõi đối tượng: Trung tâm không lập sổ quản lý, theo dõi đối tượng. Đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên, Trung tâm quản lý, theo dõi thông qua phần mềm do Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động - TB&XH cung cấp. Các nhóm đối tượng khác, Trung tâm lập file trên máy ti tính để quản lý, theo dõi.

Khi tiếp nhận đối tượng, Phòng Tiếp nhận, quản lý và chăm sóc phối hợp với Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, dạy nghề để xác định tình trạng bệnh tật và sức khỏe của đối tượng, xác định bằng mắt thường, không tiến hành đo đạt, kiểm tra, ghi chép vào sổ hoặc biên bản.

- Tổng số hồ sơ đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên tại Trung tâm đang được lưu trữ: 100 hồ sơ; hồ sơ đối tượng tự nguyện: 10 hồ sơ; hồ sơ đối tượng khác theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND được tiếp nhận trong thời kỳ thanh tra: 20 hồ sơ. Hồ sơ được lưu trữ gọn gàng, theo từng bì hồ sơ từng đối tượng.

2.2.2. Công tác quản lý đối tượng

Trung tâm ban hành Quy chế làm việc theo Quyết định số 82/QĐ-ND,CTXH ngày 20/12/2018, trong đó quy định trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc của từng cá nhân, các phòng chuyên môn. Công tác quản lý đối tượng được phân công theo chức năng nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn, cụ thể:

+ Phòng Tiếp nhận, quản lý và chăm sóc: thực hiện tiếp nhận, dừng trợ giúp; quản lý đi, lại, thăm hỏi, trật tự tại Trung tâm; chuyển tuyến, đưa đối tượng hồi gia...

+ Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, dạy nghề: Khám bệnh ban đầu, quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng, đưa đối tượng đi bệnh viện... bố trí nơi ở phù hợp cho đối tượng, tham gia giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các đối tượng. Đưa đón các trẻ độ tuổi mẫu giáo đi học, họp phụ huynh cho trẻ...

+ Phòng Công tác xã hội và phát triển cộng đồng: Tư vấn, tham vấn cho đối tượng; xây dựng kế hoạch trợ giúp đối tượng...

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp: quản lý nguồn kinh phí, lập kế hoạch mua sắm, cấp phát bổ sung trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt cho đối tượng, thủ tục liên quan đến công tác quản lý.

2.2.3. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng

- Tổng số nhân sự tại thời điểm thanh tra là 38 người, trong đó: Nhân viên trực tiếp trợ giúp đối tượng 22 người gồm: 03 nhân viên y tế, 4 bảo mẫu, 4 hộ lý, 1 nuôi dưỡng, 4 cấp dưỡng, 6 nhân viên bảo vệ. Nhân viên trợ giúp tại Trung tâm có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình trong công việc. Một số nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc như nhân viên y tế... Tuy nhiên do đặc thù công việc, mức lương, chế độ phụ cấp nên việc tuyển dụng các vị trí như bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng có trình độ chuyên môn phù hợp còn gặp khó khăn. Một số vị trí công việc như hộ lý, bảo mẫu, bảo vệ chưa được tham gia khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ các đối tượng bảo trợ xã hội; một số vị trí công việc hiện vẫn chưa có nhân viên như: nhân viên tâm lý, phục hồi chức năng,...

- Tổ chức việc nuôi dưỡng đối tượng:

+ Tổng kinh phí không tự chủ năm 2018: 3.819.173.000 đồng, trong đó: Chi cho công tác xã hội: 600.000.000 đồng; chi cho đối tượng thu gom, lang thang cơ nhỡ: 295.000.000 đồng; chi sửa chữa 506.775.000 đồng; chi nuôi dưỡng thường xuyên 2.417.398.000 đồng. Nguồn tự chủ năm 2018: 3.193.525.000 đồng.

+ Định mức, chế độ nuôi dưỡng: Trung tâm đặt bảng kinh tế công khai khẩu phần ăn tại nhà ăn, lên thực đơn hàng tuần, công khai thực đơn, lập sổ và ghi mua thực phẩm hàng ngày.

+ Định mức tiền ăn của đối tượng lang thang: Theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh, mức 25.000 đồng/ngày/đối tượng.

+ Định mức tiền ăn của đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên: Theo Quyết định số 79/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh, mức 1.080.000 đồng/tháng/đối tượng bao gồm 3 bữa ăn trong ngày.

+ Tư trang, đồ dùng vệ sinh: Theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, mức: 1.250.000 đồng/người/năm.

+ Chế độ hỗ trợ mai táng phí: Theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và Công văn số 794/LĐT BXH-KHTC ngày 16/5/2016 của Sở.

2.2.4. Việc dừng nuôi dưỡng, đưa đối tượng ra khỏi Trung tâm

- Thời kỳ thanh tra, có 25 đối tượng dừng nuôi dưỡng và ra khỏi Trung tâm, trong đó: Đối tượng từ trần: 08 người; hôn gia tái hòa nhập cộng đồng: 03 người; đối tượng tự ý rời khỏi Trung tâm: 06 người; đối tượng tự nguyện chấm dứt hợp đồng dịch vụ: 8 người.

- Thời kỳ thanh tra, không có trẻ em ra khỏi Trung tâm do được nhận làm con nuôi hoặc gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế.

- Trình tự thủ tục dừng trợ giúp:

+ Đối với trường hợp ra khỏi Trung tâm về sống với gia đình: Thân nhân, người giám hộ làm 02 đơn, trong đó 01 đơn có xác nhận của chính quyền địa phương; 01 Đơn đề nghị theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận đơn Trung tâm ra quyết định dừng trợ giúp và tiến hành lập biên bản bàn giao cho gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương.

+ Đối với đối tượng từ trần: Trung tâm lập biên bản xác định thời gian, địa điểm, lý do từ trần có người làm chứng, ban hành quyết định thôi hưởng và làm thủ tục mai táng. Trường hợp đối tượng được thân nhân đưa về mai táng phải có đơn đề nghị gửi Trung tâm, sau khi tổ chức mai táng, gia đình có đơn đề nghị hỗ trợ mai táng phí gửi Trung tâm tiến hành giải quyết.

+ Đối với đối tượng tự ý rời khỏi Trung tâm: Nhân viên Trung tâm lập báo cáo sự việc; lập Biên bản xác nhận đối tượng bỏ đi có chữ ký người làm chứng và người lập biên bản, trong vòng 1 tháng nếu không tìm được đối tượng hoặc đối tượng không liên hệ, Trung tâm ban hành quyết định thôi hưởng.

+ Đối tượng tự nguyện chấm dứt hợp đồng: Trung tâm lập Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội; ban hành quyết định chấm dứt nuôi dưỡng tự nguyện, lập Biên bản giao nhận đối tượng.

Sau thời điểm Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của UBND tỉnh V/v ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - TB&XH đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công có hiệu lực, trường hợp đối tượng ra khỏi Trung tâm về sống với gia đình, Trung tâm gửi đơn của thân nhân đối tượng đến Sở qua bộ phận 1 cửa, sau khi có công văn của Sở, Trung tâm ban hành quyết định thôi hưởng chế độ nuôi dưỡng tập trung. Đối với trường hợp dừng trợ giúp xã hội khác như đối tượng tự ý rời

khỏi Trung tâm, trẻ em hồi gia, đối tượng từ trần Trung tâm trực tiếp giải quyết và ban hành quyết định.

- Một số hồ sơ ra khỏi Trung tâm về sống tại gia đình hoặc cộng đồng thiếu biên bản giao đối tượng về gia đình, cộng đồng, biên bản bàn giao đối tượng về gia đình không có xác nhận của UBND cấp xã; hồ sơ thiếu đơn đề nghị dừng trợ giúp xã hội theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ như hồ sơ của bà Đỗ Thị Tiêu, sinh năm 1945; bà Lê Thị Huệ, sinh ngày 29/01/1998.

3. Công tác y tế, phục hồi chức năng, giáo dục văn hóa, nghề nghiệp, hướng nghiệp

3.1. Chăm sóc y tế, phục hồi chức năng: Mua BHYT cho 100% đối tượng; lập sổ theo dõi sức khỏe thường xuyên hằng ngày, nếu có triệu chứng bệnh thì đưa đi bệnh viện chữa trị kịp thời. Thường xuyên nhắc nhở đối tượng trong việc vệ sinh hằng ngày, ăn chín uống sôi, tập thể dục. Hướng dẫn đối tượng tham gia lao động trị liệu vào những lúc điều kiện thời tiết phù hợp. Hướng dẫn cho các cụ bị tai biến liệt nửa người, đau xương khớp phục hồi chức năng...

3.2. Giáo dục nghề nghiệp: Đảm bảo cho đối tượng được học nghề, học văn hóa phù hợp với khả năng, nhu cầu. Liên hệ với các tổ chức, cá nhân để xúc tiến việc dạy nghề và tham gia sản xuất cho đối tượng. Đã gửi 04 cháu từ 13 tuổi trở lên đi học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

3.3. Hoạt động vui chơi giải trí:

- Đảm bảo cho đối tượng được tiếp cận về văn hóa, thể dục, thể thao.
- Tổ chức một số hoạt động văn nghệ vui chơi giải trí cụ thể như: Hoạt động Mừng Đảng, Mừng Xuân đón Tết Nguyên đán đầy đủ chu đáo; Tổ chức vui chơi cho các cụ nhân ngày 8/03, ngày 20/10, ngày CTXH, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6; Tết trung thu...

4. Lĩnh vực công tác xã hội

4.1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH các huyện Phú Lộc, Phú Vang, Nam Đông tổ chức các lớp tập huấn kiến thức cơ bản về nghề CTXH; kiến thức cơ bản về tham vấn, tư vấn; nhận thức về trẻ tự kỷ.

- Phối hợp tổ chức, tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Cục Bảo trợ xã hội, Cục Trẻ em, các đơn vị dự án... tổ chức.

4.2. Công tác truyền thông

- Xây dựng và cấp phát tờ rơi để quảng bá, tuyên truyền địa chỉ, số điện thoại đường dây tư vấn, trang thông tin điện tử, dịch vụ CTXH của Trung tâm đến cộng đồng.

- Đăng tin bài về các hoạt động của Trung tâm trên Báo Lao động xã hội và Báo Thừa Thiên Huế.

- Phối hợp với 7 trường THCS trên địa bàn thị xã Hương Thủy và TP Huế tổ chức truyền thông kỹ năng sống cho gần 2.000 em học sinh.

4.3. Công tác tư vấn, tham vấn: Tư vấn thường xuyên cho các đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm và các trường hợp có nhu cầu tư vấn tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh thông qua kênh trực tiếp, điện thoại.

Thường xuyên về tại các địa phương để tư vấn, tham vấn cho các đối tượng yếu thế về chế độ, chính sách và điều kiện vào sống tại Trung tâm theo diện đối tượng bảo trợ xã hội hay tự nguyện đóng góp kinh phí.

5. Công tác nuôi dưỡng tự nguyện

Từ khi triển khai thí điểm đề án đến nay Trung tâm nhận nuôi dưỡng 10 đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí, hiện tại đang nuôi dưỡng 02 người.

6. Việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: Thời kỳ thanh tra không có đơn.

7. Việc thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Hằng năm, Trung tâm xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng (2018, 2019). Phân công và kiện toàn Ban phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Trung tâm gồm 03 người (Giám đốc - Trưởng ban; 1 Phó Giám đốc - Phó ban; Trưởng ban thanh tra nhân dân - Thành viên).

- Tổ chức cho CC,VC,NLĐ học tập, nghiên cứu, quán triệt Luật Phòng chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn bản của cấp trên có liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng, trên cơ sở đó nâng cao nhận thức hiểu biết để thực hiện và chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ hướng dẫn của Sở, Trung tâm triển khai đến CC,VC có nghĩa vụ kê khai, kê khai tài sản thu nhập năm 2018 đúng nội dung, thời gian quy định. Năm 2018: Tổng số người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập là 03 người, công khai tài sản thu nhập tại cuộc họp ngày 10/12/2018, Báo cáo số 21/BC-ND,CTXH ngày 12/12/2018 V/v báo cáo kết quả minh bạch, tài sản thu nhập năm 2018. Gửi về Sở 3 bản bản kê khai tài sản thu.

Do việc hợp nhất hai đơn vị và đổi thành Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội, thành lập 4 phòng chuyên môn, vì vậy có điều chuyển một số cán bộ nhân viên phù hợp với năng lực, trình độ và yêu cầu nhiệm vụ mới.

8. Công tác Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp

8.1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm viên chức quản lý

Từ năm 2018 đến nay, đã đề nghị Sở cử 06 viên chức đi đào tạo bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên (trong đó có 3 viên chức đã hoàn thành, 1 viên chức đang theo học và 2 viên chức đã đăng ký với Sở Nội vụ dự kiến sẽ đi học vào tháng 5/2019).

Trung tâm hợp nhất từ 2 trung tâm từ ngày 15/7/2018 nên chưa bổ nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý. Trung tâm cử các viên chức phụ trách các phòng chuyên môn, qua đó theo dõi năng lực công tác để có cơ sở đề xuất lãnh đạo Sở cho chủ trương bổ nhiệm theo phân cấp.

8.2. Việc xây dựng các quy chế, định mức, tiêu chuẩn

Trung tâm xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt theo Công văn số 2812/LĐT BXH-KHTC ngày 28/12/2018 của Sở V/v thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công của Trung tâm.

8.3. Việc tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng

- Biên chế được giao: Sau khi có quyết định thành lập, Sở đã giao biên chế từ tháng 7 năm 2018 cho Trung tâm là 37 biên chế (22 viên chức, 15 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ); năm 2019, giữ nguyên không tăng giảm so với năm 2018.

- Biên chế hiện đang sử dụng: 21 viên chức, 14 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Ngoài ra, có 03 người hợp đồng lao động (HĐLĐ) theo ngày để làm công tác thu gom đối tượng.

- Tuyển dụng viên chức: Năm 2018, 2019 không tuyển dụng.

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Tháng 01/2019 Trung tâm giao kết HĐLĐ với 01 người lao động, trước khi giao kết HĐLĐ, Trung tâm có Tờ trình số 32/TTr-ND,CTXH ngày 13/12/2018 V/v tuyển dụng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP gửi Sở xin chủ trương, Sở có Công văn số 34/SLĐTBXH-VP ngày 04/01/2019 V/v hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Trung tâm đã giao kết HĐLĐ theo quy định.

- HĐLĐ ngoài biên chế: 03 người để làm công tác thu gom, quản lý đối tượng sau thu gom. Thời gian hợp đồng tùy thuộc vào đối tượng thu gom. Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh quy định mức chi cho các đối tượng ăn xin, lang thang cơ nhỡ và mức chi phục vụ công tác thu gom.

8.4. Việc thực hiện các chế độ tiền lương, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động

- Trung tâm nâng bậc lương đúng thời hạn cho nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, nâng bậc lương đúng thời hạn đối với viên chức sau khi có ý kiến thống nhất của Sở. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép năm: Thực hiện theo quy định của pháp luật lao động và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

- Làm thêm giờ: Các phòng có kế hoạch làm thêm giờ trình lãnh đạo Trung tâm phê duyệt. Thời gian thực tế làm thêm giờ có xác nhận của phụ trách phòng chuyên môn, phòng hành chính.

+ Các chế độ phụ cấp, bồi dưỡng: thực hiện phụ cấp ưu đãi nghề, bồi dưỡng bằng hiện vật cho công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm theo quy định pháp luật; viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở 1 được phụ cấp độc hại, nguy hiểm.

- Thực hiện tiết kiệm kinh phí tự chủ được giao, tạo thu nhập tăng thêm cho CC,VC,NLĐ. Năm 2018: thu nhập tăng thêm người cao nhất: 1.640.000đ/tháng, người thấp nhất 1.093.000đ/tháng, bình quân 1.398.000đ/tháng. Tổng kinh phí tự chủ tiết kiệm được trong năm 2018: 587.195.000 đồng.

8.5. Việc lập kế hoạch công tác, tổng hợp, báo cáo

- Tháng 7 năm 2018 Trung tâm mới thành lập nên không có kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2018. Tuy nhiên, Trung tâm thực hiện các hoạt động theo kế hoạch của 2 trung tâm trước khi thành lập. Năm 2019, Trung tâm ban hành Quyết định số 10b/QĐ-NDXH,CTXH ngày 12/02/2019 về ban hành chương trình công tác năm 2019.

- Công tác tổng hợp, báo cáo định kỳ, báo cáo với các cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu đều thực hiện đầy đủ.

8.6. Công tác tiếp nhận, quản lý công văn, tài liệu, hồ sơ

- Công tác văn thư, lưu trữ: Trung tâm bố trí 01 viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ; quản lý, theo dõi ghi chép sổ công văn đi, công văn đến hàng ngày. Tại Sổ văn bản đi, đến cập nhật đầy đủ thông tin; ký nhận văn bản đến đầy đủ.

- Hồ sơ của VC,NLĐ: Trung tâm thực hiện tốt việc quản lý hồ sơ viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

III. Kết luận

1. Ưu điểm

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động - TB&XH, phối hợp của các cơ quan, ban ngành liên quan, Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn, các đoàn thể cùng với CC,VC,NLĐ đã nỗ lực cố gắng tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ đạt được nhiều kết quả như: tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa; người già cô đơn, người khuyết tật, người lang thang xin ăn, lang thang cơ nhỡ; tư vấn, tuyên truyền, tập huấn các kỹ năng, các quy định pháp luật trong lĩnh vực công tác xã hội... góp phần hoàn thành nhiệm vụ của ngành, của tỉnh. Những mặt ưu điểm của Trung tâm là nổi bật và cơ bản song vẫn còn một số thiếu sót, tồn tại.

2. Thiếu sót, tồn tại

2.1. Trung tâm không xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để triển khai thực hiện.

2.2. Sau khi Sở có Công văn số 2812/LĐT BXH-KHTC ngày 28/12/2018 V/v thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công của Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội, đến nay Trung tâm chưa ban hành quyết định thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công.

2.3. Trung tâm không lập sổ quản lý, theo dõi đối tượng.

2.4. Một số vị trí công việc như hộ lý, bảo mẫu, bảo vệ chưa được tham gia khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ các đối tượng bảo trợ xã hội.

2.5. Tại Trung tâm chưa có nhân viên tâm lý, phục hồi chức năng.

2.6. Một số hồ sơ đối tượng ra khỏi Trung tâm về sống tại gia đình hoặc cộng đồng thiếu biên bản giao đối tượng về gia đình, cộng đồng; thiếu đơn đề nghị dừng trợ giúp xã hội (Mẫu số 13); biên bản bàn giao đối tượng về gia đình không có xác nhận của UBND cấp xã theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ) như hồ sơ của bà Đỗ Thị Tiêu, sinh năm 1945; bà Lê Thị Huệ, sinh ngày 29/01/1998.

2.7. VC, NLĐ tại Cơ sở 2 của Trung tâm chưa được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm.

IV. Kiến nghị

1. Đối với Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội

1.1. Hằng năm, xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Trung tâm để triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1.2. Ban hành quyết định thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công của Trung tâm.

1.3. Lập sổ quản lý, theo dõi đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên, đối tượng tiếp nhận theo quy định tại Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh TT-Huế.

1.4. Thực hiện kiểm tra sức khỏe, xác định tình trạng bệnh tật của đối tượng khi tiếp nhận theo quy định tại điểm 1.3 Mục I Quy định về việc tiếp nhận, quản lý và trợ giúp đối tượng tại Trung tâm ban hành kèm theo Quyết định số 49b/QĐ-ND,CTXH ngày 05/9/2018 của Trung tâm.

1.5. Xây dựng kế hoạch đào tạo, cử nhân viên hộ lý, bảo mẫu, bảo vệ tham gia khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ các đối tượng bảo trợ xã hội.

1.6. Có văn bản đề xuất tuyển dụng nhân viên tâm lý, phục hồi chức năng để đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - TB&XH.

1.7. Làm việc với Văn phòng Sở để được hướng dẫn, lập thủ tục đề nghị Sở và cơ quan liên quan để thực hiện chi trả phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho VC,NLĐ làm việc tại Cơ sở 2 của Trung tâm theo Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm với cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 11/2007/QĐ-BĐTBXH ngày 10/4/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Đối với Văn phòng Sở

Tham mưu lãnh đạo Sở tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, văn bản của các cấp về công tác tổ chức, hành chính, chấp hành các nội quy, quy chế đối với các đơn vị trực thuộc Sở.

3. Đề nghị Phòng Bảo trợ xã hội

Phối hợp với Văn phòng Sở, Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành quy định về thủ tục, hồ sơ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí vào ở tại Trung tâm.

V. Thời hạn thực hiện kiến nghị

Đề nghị Trung tâm Nuôi dưỡng và Công tác xã hội nghiêm túc thực hiện các kiến nghị nêu trên và gửi báo cáo việc thực hiện về Sở Lao động - TB&XH (qua Thanh tra Sở), địa chỉ: 18 Nguyễn Sinh Sắc, phường Vĩ Dạ, TP Huế) **trước ngày 31/5/2019.**

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Lao động - TB&XH;
- Trung tâm Nuôi dưỡng và CTXH (để thực hiện);
- Văn phòng Sở; Phòng BTXH, Phòng TE và BDG;
- Đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, hồ sơ thanh tra hành chính năm 2019.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Dân